

Số: 1721 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư Gói thầu số 6, 8, 9, một số gói thầu chi phí tư vấn và chi phí khác thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Hợp phần A)
- Giai đoạn khởi động Đợt 1**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2016 và bản bản số 3630/BGTVT-TC ngày 16/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành quy trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt quyết toán của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Hàng hải tại tờ trình số 212/BQLDAH-H-TCKT ngày 25/5/2021 và Biên bản thẩm tra quyết toán chi phí đầu tư Gói thầu số 6, 8, 9, một số gói thầu chi phí tư vấn và chi phí khác thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Hợp phần A) - Giai đoạn khởi động Đợt 1;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán chi phí đầu tư Gói thầu số 6, 8, 9, một số gói thầu chi phí tư vấn và chi phí khác thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Hợp phần A) - Giai đoạn khởi động Đợt 1.

- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải.

- Đơn vị tổ chức, thực hiện dự án: Ban Quản lý dự án Hàng hải.

- Địa điểm xây dựng: Đảo Cát Hải, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Kết quả đầu tư:

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: Đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị được phê duyệt
- Chi phí xây dựng	11.699.086.148.336	10.141.761.661.908
- Chi phí tư vấn	48.311.749.484	36.944.969.298
- Chi phí khác	148.666.119.362	102.643.819.804
Tổng cộng:	11.896.064.017.182	10.281.350.451.010

(Chi tiết như Phụ lục I kèm theo)

2. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư: 10.281.350.451.010 đồng.

Nội dung	Đơn vị quản lý sử dụng	Ghi chú
- Hạng mục đường sau cảng (thuộc gói thầu số 6)	Cục Quản lý đường bộ I (theo biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 31/12/2020)	Đơn vị tiếp nhận tài sản theo các Biên bản bàn giao tài sản, giá trị tài sản sẽ được xác định chính thức sau khi Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quyết toán toàn bộ dự án
- Tường chắn đất tại bến container; Bãi tôn tạo cho khu bến; Các công trình bảo vệ cảng; Khu quản lý hành chính; Bến công vụ (thuộc gói thầu số 6)	Cục Hàng hải Việt Nam (theo biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 08/7/2020)	
- Đoạn luồng Lạch Huyện từ lý trình 26+930 đến lý trình 44+350- Luồng Hải Phòng (thuộc gói thầu số 8,9)	Cục Hàng hải Việt Nam (theo biên bản bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 14/3/2019)	

Điều 3. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Hàng hải và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Hàng hải:

1.1. Ban Quản lý dự án Hàng hải và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do

Ban Quản lý dự án Hàng hải và Nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do Ban Quản lý dự án Hàng hải và Nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng.

1.2. Khẩn trương hoàn thiện, trình đầy đủ các hạng mục còn lại của Dự án, làm cơ sở Bộ Giao thông vận tải thẩm tra quyết toán toàn bộ Dự án theo quy định.

1.3. Trường hợp có các cơ quan thẩm quyền (Thanh tra, Kiểm toán...) thực hiện việc thanh tra, kiểm toán và có kết quả điều chỉnh (nếu có) so với giá trị quyết toán được phê duyệt, Ban Quản lý dự án Hàng hải có trách nhiệm báo cáo Bộ GTVT để phê duyệt điều chỉnh quyết toán dự án cho phù hợp.

1.4. Quản lý, bảo quản hồ sơ quyết toán của Dự án bảo đảm đầy đủ theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận quản lý sử dụng tài sản:

- Cục Quản lý đường bộ I có trách nhiệm quản lý, khai thác sử dụng tài sản công trình, triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 33/2019/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định có liên quan.

- Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm quản lý, khai thác sử dụng tài sản công trình, triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 43/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định có liên quan.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Đầu tư, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Quản lý đường bộ I, Giám đốc Ban Quản lý dự án Hàng hải và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Ban QLDA Hàng hải (1b);
- Kho bạc nhà nước;
- Lưu: VT, TC (V.Thái 02 bản).



Nguyễn Xuân Sang



Phụ lục I
BẢNG TÍNH HỢP GIÁ TRỊ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
(Kèm Quyết định số 172/QĐ-BGTVT ngày 28 / 09 / 2021 của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải)

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung	Giá trị quyết toán được phê duyệt	Ghi chú
1	Gói thầu số 6: Đê chắn sóng đoạn A, kè bảo vệ, tường chắn đất, tôn tạo xử lý nền, bến công vụ, đường sau cảng và hạ tầng điện nước.	3.086.222.033.662	
2	Gói thầu số 8: Nạo vét luồng và đổ thải - Phần A	3.479.897.287.561	
3	Gói thầu số 9: Nạo vét luồng và đổ thải - Phần B	3.575.642.340.685	
II	Chi phí Tư vấn ĐTXD	36.944.969.298	
1	Chi phí thu thập tài liệu khảo sát, lập dự án	8.966.530.000	
2	Gói 13: Chi phí lập điều chỉnh dự án	692.406.000	
3	Gói 3A: Chi phí thẩm định giá vật liệu cho các gói thầu xây lắp thuộc Hợp phần A	368.534.524	
4	Gói thầu số 11: Chi phí tư vấn giám sát môi trường thuộc Hợp phần A	26.588.377.774	
5	Gói 12A: Chi phí tư vấn lập phương án và dự toán đảm bảo an toàn GT, an toàn Hàng hải trong quá trình thi công	329.121.000	
III	Chi phí khác	102.643.819.804	
1	Gói 5: Chi phí rà phá bom mìn vật nổ	102.643.819.804	
	TỔNG CỘNG	10.281.350.451.010	